TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liễng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Phú Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1212/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1975; thường trú; Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 27A/13 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ *Bị đơn:* Anh Bao Văn T; tạm trú: Số 44/16A, đường N, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H; thường trú: Xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 44/16A, đường N, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Bao Văn T có thời gian tìm hiểu khoảng 3 tháng thì tổ chức lễ cưới năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu, bia và có quan hệ với người phụ nữ khác. Tháng 01/2017, chị G và anh T sống ly thân và không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay chị G yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 04/9/2013, hiện nay đang sống cùng chị G. Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Bao Văn T*: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/01/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 05/3/2019 và 25/3/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2019, người làm chứng chị Nguyễn Thị H trình bày*: Chị H là em ruột của chị G, chị H sống cùng dãy trọ với chị G và anh T. Quá trình chung sống, chị H thường xuyên chứng kiến anh T uống rượu, bia dẫn đến cãi nhau với chị G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 05/3/2019 và

25/3/2019 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Bao Văn T chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X về thi hành Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị G, không công nhận chị Nguyễn Thị G và anh Bao Văn T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Kim N, sinh ngày 04/9/2013. Khi giải quyết việc giao con cho ai nuôi, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu N là con gái còn nhỏ, cần sự chăm sóc, quan tâm từ mẹ nhiều hơn; đồng thời từ khi sống ly thân đến nay, cháu N sống cùng mẹ vẫn phát triển tốt. Quá trình tố tụng, anh T không có ý kiến gì về việc chị G yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào các Điều 15, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị G tự nguyện không yêu cầu anh Bao Văn T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị G nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Bao Văn T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị G và anh Bao Văn T.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 04/9/2013 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị G và anh Bao Văn T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị G không yêu cầu anh Bao Văn T cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020500 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liễng